

Số: 4720/QĐ-UBND

Bình Tân, ngày 17 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, giai đoạn 1.**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch; Luật kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Luật đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ, Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định 11/2013/NĐ-CP, ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP, ngày 28/5/2022 của Chính phủ Quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP, ngày 20/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1050/QĐ-TTg, ngày 07/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Gilimex – Vĩnh Long;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BXD, ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3124/QĐ-UBND, ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc Phê duyệt quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Bình Tân, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 3650a/QĐ-UBND, ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2079/QĐ-UBND, ngày 07/10/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc đổi tên khu công nghiệp Bình Tân thành Khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long;

Căn cứ Công văn số 3906/UBND-KTN, ngày 11/10/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc chủ trương lập quy hoạch Khu công nghiệp và Khu tái định cư khu công nghiệp Bình Tân, tại xã Thành Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Công văn số 693/UBND-KTNV, ngày 15/02/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc hướng dẫn thực hiện phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Công văn số 137/UBND-KTNV, ngày 13/01/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc chấp thuận phương án phân kỳ đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 2480/QĐ-UBND, ngày 15/12/2021 của UBND huyện Bình Tân về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Thành Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030;

Xét Tờ trình số 185/TTrKTHT ngày 11/10/2023 của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, giai đoạn 1.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, giai đoạn 1 tại xã Thành Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Với nội dung như sau:

I. Phạm vi, ranh giới, quy mô diện tích khu vực lập quy hoạch

1. Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch

Vị trí lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, giai đoạn 1 thuộc xã Thành lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp đất dân và giai đoạn 2 của khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long;
- Phía Nam giáp đất dân và Quốc lộ 54;
- Phía Đông giáp đất dân ven kênh Hai Quý;
- Phía Tây giáp giai đoạn 2 của khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long và Quốc lộ

2. Quy mô diện tích: 2.550.000m² (255ha).

II. Mục tiêu, tính chất khu vực lập quy hoạch

1. Mục tiêu lập quy hoạch

- Cụ thể hoá Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Vĩnh Long.
- Cụ thể hoá Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu công nghiệp Bình Tân (khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long).

- Quy hoạch sử dụng đất, khu chức năng đồng bộ trên cơ sở phù hợp với định hướng quy hoạch phân khu, quy hoạch chung, các quy hoạch ngành và quy hoạch các khu vực lân cận có liên quan. Tổ chức và cụ thể hoá không gian quy hoạch, kiến trúc cảnh quan khu công nghiệp phù hợp với cảnh quan chung của khu vực trên cơ sở bảo vệ môi trường và cảnh quan tự nhiên hiện có.

2. Tính chất khu vực lập quy hoạch

Khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, giai đoạn 1 bố trí các loại hình công nghiệp như: chế biến nông sản - thực phẩm, chế biến rau quả và các sản phẩm từ trái cây; chế biến thủy sản; các sản phẩm từ chăn nuôi; công nghiệp hàng tiêu dùng, dệt may, thủ công mỹ nghệ, công nghiệp lắp ráp điện tử, bao bì, công nghiệp dược phẩm – mỹ phẩm; công nghiệp khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng; kho bãi, dịch vụ;... và một số ngành khác ít ô nhiễm môi trường.

III. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu

1. Dự báo số công nhân, người lao động của khu công nghiệp

Diện tích đất công trình sản xuất công nghiệp, kho tàng khoảng 1.843.978m², dự kiến 1,0ha đất công trình sản xuất công nghiệp cần khoảng 50 công nhân, người lao động. Dự báo số công nhân, người lao động cho khu công nghiệp khoảng 9.220 người.

2. Các chỉ tiêu kỹ thuật chính của đồ án

Bảng thống kê chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu đồ án quy hoạch lập
I	Chỉ tiêu sử dụng đất:		
	Đất các khu kỹ thuật	%	1,4
	Đất cây xanh	%	10,07
	Đất giao thông	%	14,71
II	Mật độ xây dựng tối đa		
	Đất công trình sản xuất công nghiệp, kho tàng	%	70
	Đất công trình hành chính, dịch vụ	%	50
	Đất các khu kỹ thuật	%	40
	Đất cây xanh	%	5
III	Hạ tầng kỹ thuật		
1	Cấp nước:		
	- Công trình sản xuất công nghiệp, kho tàng	m ³ /ha/ngày	20;45
	- Công trình hành chính, dịch vụ	lít/m ² sàn/ngày đêm	2
	- Nước tưới cây	lít/m ² /ngày đêm	3

	- Nước rửa đường	lít/m ² /ngày đêm	0,5
	- Nước dự phòng rò rỉ:	% tổng lượng nước cấp	5
2	Thoát nước thải:		
3	Cấp điện		
	- Công trình sản xuất công nghiệp	Kw/ha	≥ 200
	- Kho tàng	Kw/ha	50
4	Chất thải rắn	tấn/ha	0,3
	Chỉ tiêu phát sinh chất thải rắn công nghiệp	tấn/ha	0,3
	Chỉ tiêu phát sinh chất thải sinh hoạt	kg/người - ngày	0,9

IV. Quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng

1. Quy hoạch sử dụng đất

Bảng cơ cấu sử dụng đất khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, giai đoạn 1

STT	Chức năng lô đất	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	QCXDVN-01/2021
1	Đất công trình sản xuất công nghiệp, kho tàng		1.843.978	72,31	
1.1	Đất công trình sản xuất công nghiệp	B, C, D	1.780.861		
1.2	Khu đất kho tàng	BB	63.117		
3	Khu đất dịch vụ		9.935	0,39	
4	Đất cây xanh		256.763	10,07	> 10%
4.1	Đất cây xanh chuyên dụng (Đất cây xanh cách ly)	CXCL	197.522		
4.2	Đất cây xanh sử dụng hạn chế (Đất cây xanh cảnh quan)	CXCQ	59.241		
5	Mặt nước	MN	28.616	1,12	
6	Đất các khu hạ tầng kỹ thuật	HK	35.583	1,40	>1%
7	Đất giao thông		375.125	14,71	>10%
	Tổng		2.550.000	100,00	

2. Giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan.

Quy hoạch các khu chức năng rõ ràng, không gian kiến trúc tổng thể phù hợp, các khu chức năng phân bố độc lập và được kết nối bởi mạng lưới giao thông, quanh khu công nghiệp có bố trí cây xanh cách ly nhằm giảm ảnh hưởng tới khu dân cư lân cận. Các khu chức năng chủ yếu như sau:

- Khu đất công trình sản xuất công nghiệp, kho tàng trong khu công nghiệp: Tổng diện tích là 1.843.978m² chiếm khoảng 72,31% diện tích toàn khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, giai đoạn 1. Trong phần đất công trình sản xuất công nghiệp bố trí các lô đất

với diện tích đa dạng phục vụ cho nhu cầu của Nhà đầu tư thứ cấp.

- Khu đất dịch vụ: Tổng diện tích là 9.935m² chiếm khoảng 0,39% diện tích toàn khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, giai đoạn 1, bố trí nằm tại lõi vào chính phía Nam khu công nghiệp nhằm phục vụ tốt cho toàn khu và tạo cảnh quan, điểm nhấn cho khu vực công nghiệp.

- Khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật: Tổng diện tích là 35.583m² chiếm khoảng 1,4% diện tích toàn khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, giai đoạn 1. Khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật là những công trình cung cấp và đảm bảo kỹ thuật cho khu công nghiệp.

- Khu đất cây xanh: Tổng diện tích là 256.763m² chiếm khoảng 10,07% diện tích đất toàn khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, giai đoạn 1. Cây xanh trong khu vực công nghiệp có hai thành phần chủ yếu là cây xanh chuyên dụng (cây xanh cách ly), cây xanh sử dụng hạn chế (cây xanh cảnh quan).

- Khu mặt nước: Tổng diện tích là 28.616m² chiếm khoảng 1,12% tổng diện tích đất toàn khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, giai đoạn 1. Mặt nước chính trong khu công nghiệp là rạch Chân Rít (rạch Rít) chảy từ phía Tây Bắc sang phía Đông ra kênh Hai Quý, đảm bảo thu nhận và tiêu thoát nước mưa cho toàn dự án.

- Khoảng lùi xây dựng: Khoảng lùi xây dựng được quy định cụ thể trong Quy định quản lý, bản vẽ kèm theo Quyết định này, ngoài ra còn đảm bảo theo quy định về phòng cháy của công trình và ngành sản xuất.

V. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

1. Chuẩn bị kỹ thuật

- San nền: Cốt cao độ san nền trung bình đảm bảo $\geq +2,5m$.

- Thoát nước mặt: Hệ thống thoát nước mưa của khu công nghiệp được kết nối hệ thống kênh, rạch như rạch Chân Rít, kênh Cống Đình, kênh Tập Đoàn và các kênh rạch hiện trạng phía Đông của dự án để kết nối ra kênh Hai Quý. Hệ thống thoát nước mưa gồm hệ thống cống tròn, cống hộp bê tông cốt thép và các cửa xả đảm bảo cho việc thoát nước mặt cho khu công nghiệp.

2. Giao thông

- Đường N4, D3, D6: Là đường trục chính kết nối khu công nghiệp với đường Quốc lộ 54, lộ giới: 43,0m, trong đó:

+ Phần đường dành cho xe chạy : 10,5m + 10,5m;

+ Vía hè : 8,0m + 8,0m;

+ Dải phân cách giữa : 6,0m.

- Đường D1, D2, D4, D5: Nằm vuông góc và kết nối với đường trục chính N4 và D3, lộ giới: 27,0m, trong đó:

+ Phần đường dành cho xe chạy : 15,0m;

+ Vía hè : 6,0m + 6,0m;

- Các đường còn lại ký hiệu N5, N6, N7, lộ giới: 20,0m, trong đó:

+ Phần đường dành cho xe chạy : 10,0m;

+ Vía hè : 5,0m + 5,0m.

3. Cấp nước

- Sử dụng nguồn cấp từ Nhà máy nước Thành Lợi thuộc Công ty Cổ phần nước và Môi trường Bình Tân. Tổng nhu cầu dùng nước cho khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, giai đoạn 1 khoảng 8.143m³/ngày.

- Mạng lưới cấp nước là mạng lưới đường ống HDPE có đường kính từ D110 trở lên. Mạng lưới đường ống dẫn đến các điểm lấy nước và kết nối với nhau tạo thành vòng khép kín. Trên hệ thống cấp nước chính bố trí các trụ lấy nước chữa cháy đặt cách nhau tối đa 150m.

4. Cấp điện

- Nguồn cấp: Được lấy từ trạm biến áp 110kV Bình Tân. Tổng nhu cầu tiêu thụ điện dự kiến của giai đoạn 1 khoảng 39.404KVA.

- Các trạm biến áp phục vụ nhu cầu sản xuất của các nhà máy, các khu dịch vụ sẽ do các Nhà đầu tư thứ cấp đầu tư xây dựng theo nhu cầu thực tế. Lưới điện 22kV trong khu vực công nghiệp đi nổi trên cột bê tông ly tâm dọc theo các trục tuyến đường giao thông để cấp điện cho các khu chức năng của khu công nghiệp, hệ thống cấp điện chiếu sáng đi ngầm.

5. Thông tin liên lạc: Hệ thống cáp ngầm được đặt trong hệ thống ống chuyên dụng, nguồn cấp từ hệ thống mạng hiện hữu dọc theo Quốc lộ 54.

6. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

- Thoát nước thải: Hệ thống thoát nước thải tách riêng hoàn toàn độc lập với hệ thống thoát nước mưa. Mạng lưới thoát nước thải là mạng lưới đường ống HDPE. Nước thải từ các nhà máy, xí nghiệp được thu gom, tập trung xử lý tại trạm xử lý nước thải đặt tại phía Đông khu công nghiệp. Nước thải sau khi xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn cột A về môi trường được thoát ra rạch Chân Rít (rạch Rít).

- Trạm trung chuyển rác: Hàng ngày rác thải sinh hoạt được thu gom bằng xe chuyên dụng về trạm trung chuyển và đưa tới khu xử lý rác thải của khu vực để xử lý. Bố trí thùng rác trên các tuyến phố và khu vực công cộng để thu gom rác thải sinh hoạt.

VI. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Có giải pháp giảm thiểu ô nhiễm đối với môi trường không khí và tiếng ồn.
- Đảm bảo vệ sinh môi trường, xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung, nước thải sau khi xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn cột A về môi trường trước khi thải ra kênh, rạch công cộng.

- Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn: Chất thải rắn được thu gom hàng ngày và vận chuyển đến nơi xử lý theo đúng quy định.

- Thiết lập hệ thống quan trắc giám sát môi trường: Quan trắc tại các điểm xả nước thải ra nguồn tiếp nhận, quan trắc chất lượng không khí và tiếng ồn theo quy định.

- Bố trí các công viên cây xanh kết hợp với mặt nước góp phần cải thiện môi trường vi khí hậu trong khu công nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch hành động gồm các chương trình, kế hoạch quản lý, quan trắc, giám sát môi trường.

- Trong bước lập dự án đầu tư xây dựng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo đúng quy định.

VII. Giải pháp tổ chức tái định cư và nhà ở công nhân khu công nghiệp

Khu tái định cư và nhà ở công nhân nằm giáp ranh phía Tây Bắc của khu công nghiệp với quy mô khoảng 32,4ha. Hiện nay, dự án khu tái định cư khu công nghiệp Bình Tân (khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long), huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, giai đoạn 1 đang được gấp rút triển khai để bố trí tái định cư cho người dân phải di dời để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, giai đoạn 1.

VIII. Các hạng mục ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

1. Các hạng mục ưu tiên đầu tư: Ưu tiên đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật: San nền, hệ thống đường giao thông, cấp điện, chiếu sáng công cộng, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, phòng cháy chữa cháy, thông tin liên lạc...

2. Nguồn lực để thực hiện: Từ nguồn vốn của Nhà đầu tư và nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 2. Ban hành kèm theo quyết định này:

- Quy định quản lý xây dựng theo đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, giai đoạn 1 tại xã Thành Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long;

- Hồ sơ thuyết minh đồ án;
- Các bản vẽ đồ án:
 - + Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất.
 - + Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng.
 - + Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và Bảo vệ môi trường.
 - + Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất.
 - + Sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan.
 - + Sơ đồ định hướng, quy định việc kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan.
 - + Bản đồ quy hoạch giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng.
 - + Bản đồ quy hoạch san nền.
 - + Bản đồ quy hoạch cấp nước.
 - + Bản đồ quy hoạch thoát nước mưa.
 - + Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường.
 - + Bản đồ quy hoạch cấp điện.
 - + Bản đồ quy hoạch chiếu sáng.
 - + Bản đồ quy hoạch thông tin liên lạc.
 - + Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống.

Điều 3: Tổ chức thực hiện

Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã Thành Lợi và các cơ quan liên quan tổ chức công bố công khai quy hoạch và cắm mốc quy hoạch theo đúng quy định làm căn cứ lập Dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật; quản lý và xây dựng theo quy

hoạch được duyệt; có phương án đầu tư cụ thể, chi tiết, đảm bảo tiến độ, hiệu quả sử dụng đất và các quy định về quản lý đất đai theo quy định hiện hành.

Giao Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Ủy ban nhân dân xã Thành Lợi và các cơ quan liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp với Chủ đầu tư triển khai các bước tiếp theo, đồng thời tổ chức quản lý, giám sát việc thực hiện theo đồ án quy hoạch chi tiết được duyệt theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 4: Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các phòng: Kinh tế - Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Chủ tịch UBND xã Thành Lợi, Giám đốc Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở: XD, TN&MT, KH&ĐT, TC, NN&PTNT, Ban QL các KCN (b/c);
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Các PCT UBND huyện (t/h);
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tập

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG

THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500

KHU CÔNG NGHIỆP GILIMEX VĨNH LONG, GIAI ĐOẠN 1

Địa điểm: Xã Thành Lợi, Huyện Bình Tân, Tỉnh Vĩnh Long

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~2720~~ /QĐ-UBND ngày ~~17/10~~ /2023 của UBND huyện Bình Tân về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, giai đoạn 1)

Bình Tân - Tháng 10/2023



**QUY ĐỊNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG
THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500
KHU CÔNG NGHIỆP GILIMEX VĨNH LONG, GIAI ĐOẠN 1**

Địa điểm: Xã Thành Lợi, Huyện Bình Tân, Tỉnh Vĩnh Long

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2720.../QĐ-UBND ngày 17/10/2023 của UBND huyện Bình Tân về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, giai đoạn 1)

PHẦN I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng

- Quy định quản lý này quy định về các chỉ tiêu sử dụng đất, hướng dẫn việc quản lý, phát triển, quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đảm bảo theo đúng đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, giai đoạn 1 đã được UBND huyện Bình Tân phê duyệt.

- Quy định này là cơ sở để chính quyền các cấp, cơ quan quản lý quy hoạch, xây dựng của tỉnh triển khai lập Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, quy hoạch cho địa phương, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, giai đoạn 1.

2. Đối tượng áp dụng

- Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động xây dựng và tham gia hoạt động quản lý quy hoạch xây dựng trong ranh giới quy hoạch phải thực hiện theo đúng quy hoạch này.

**PHẦN II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 2. Quy mô các khu chức năng trong khu vực quy hoạch; chỉ tiêu về mật độ xây dựng, số tầng cao xây dựng, hệ số sử dụng đất, chiều cao tầng.

1. Đất công trình sản xuất công nghiệp, kho tàng

- Diện tích đất công trình sản xuất công nghiệp, kho tàng là 1.843.978m² chiếm khoảng 72,31% diện tích khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, giai đoạn 1. Trong phần đất công trình sản xuất công nghiệp bố trí các lô đất với diện tích đa dạng phục vụ cho nhu cầu của Nhà đầu tư thứ cấp.

Bảng thống kê chỉ tiêu kiến trúc – quy hoạch cho từng lô đất

STT	Ký hiệu	Chức năng lô đất	Diện tích (m ²)	Mật độ XD tối đa (%)	Hệ số SĐĐ (lần)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao tối đa	Ghi chú
1		Đất công trình sản xuất công nghiệp, kho tàng	1.843.978			72,31	7	
1.1		Đất công trình sản xuất	1.780.861	70	4,2	69,84	7	

STT	Ký hiệu	Chức năng lô đất	Diện tích (m ²)	Mật độ XD tối đa (%)	Hệ số SDD (lần)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao tối đa	Ghi chú
		công nghiệp						
	B	Lô đất công nghiệp B	1.230.588	70	4,2	48,26	7	
	C	Lô đất công nghiệp C	299.557	70	4,2	11,75	7	
	D	Lô đất công nghiệp D	250.716	70	4,2	9,83	7	
1.2	BB	Đất kho tàng	63.117	70	4,2	2,47	7	

- Mật độ xây dựng của lô đất công trình sản xuất công nghiệp, kho tàng tối đa là 70%. Đối với các lô đất công trình sản xuất công nghiệp, kho tàng có trên 05 sản sử dụng thì mật độ xây dựng tối đa là 60%. (Theo QC 01/2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng).

- Cốt cao độ nền tầng trệt cao hơn cao độ vỉa hè hoàn thiện đảm bảo $\geq 0.3\text{m}$.

- Chiều cao xây dựng từng tầng được thiết kế tùy theo yêu cầu công nghệ của nhà máy, xí nghiệp và đảm bảo tuân thủ theo quy chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành.

- Khoảng lùi xây dựng: Công trình xây dựng cách ranh đất đảm bảo tối thiểu 6m, ngoài ra đối với khu đất kế cận phải đảm bảo khoảng cách theo cấp độ phòng cháy của công trình và ngành sản xuất.

- Cổng ra vào nhà máy, xí nghiệp phải đảm bảo an toàn giao thông và đảm bảo khoảng cách đến giao lộ theo quy định hiện hành. Cao độ hàng rào cho nhà máy, xí nghiệp phải thỏa mãn các yêu cầu về bảo vệ an toàn về kiến trúc cổng, hàng rào cần mang tính thẩm mỹ, đồng bộ trong toàn khu công nghiệp.

- Công trình nhà máy, xí nghiệp khi triển khai đầu tư xây dựng phải thực hiện các thủ tục thẩm định, phê duyệt dự án, thiết kế bản vẽ thi công, cấp giấy phép xây dựng theo quy định hiện hành và tuân thủ các quy định của quy chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành.

2. Khu đất dịch vụ

- Diện tích đất dịch vụ là 9.935m² chiếm khoảng 0,39% diện tích khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, giai đoạn 1 bố trí nằm tại lõi vào chính phía Nam khu công nghiệp nhằm phục vụ tốt cho toàn khu và tạo cảnh quan, điểm nhấn cho khu vực công nghiệp.

- Khu đất dịch vụ bố trí các công trình sau:

+ Khu vực giới thiệu, trưng bày sản phẩm, văn phòng chuyên gia, phòng thí nghiệm, kiểm tra và kiểm định sản phẩm,....;

+ Một số các cơ quan khác: Hải quan, thuế, ngân hàng, bưu điện, cứu hỏa, công an, công đoàn, bảo vệ môi trường,....;

+ Văn phòng tuyển dụng, đào tạo lao động,....;

+ Câu lạc bộ, sân TDĐT, nhà hàng, trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn,....;

+ Văn phòng làm việc, cho thuê, nhà điều hành, nhà nghỉ, trực bảo vệ,....;

Bảng thống kê chỉ tiêu kiến trúc – quy hoạch cho từng lô đất

STT	Ký hiệu	Chức năng lô đất	Diện tích (m ²)	Mật độ XD tối đa (%)	Hệ số SDD (lần)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao tối đa
1		Đất khu dịch vụ	9.935			0,39	
	DV3	Đất dịch vụ 03	4.230	50	2,5	0,17	5
	DV4	Đất dịch vụ 04	5.705	50	2,5	0,22	5

- Khoảng lùi xây dựng:

+ So với chỉ giới đường đỏ : $\geq 6m$;

+ So với ranh đất : $\geq 4m$.

- Cốt nền tầng trệt $\geq 0,3m$ tại cao độ san nền vị trí xây dựng.

- Chiều cao xây dựng từng tầng được thiết kế đảm bảo tuân thủ theo quy chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành.

3. Khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật

- Diện tích đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật là 35.583m² chiếm khoảng 1,4% diện tích khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, giai đoạn 1. Khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật là những công trình cung cấp và đảm bảo kỹ thuật cho khu công nghiệp như: Trạm điện, trạm xử lý nước thải, chung chuyển rác, trạm phòng cháy chữa cháy,....

Bảng thống kê chỉ tiêu kiến trúc – quy hoạch cho từng lô đất

STT	Ký hiệu	Chức năng lô đất	Diện tích (m ²)	Mật độ XD tối đa (%)	Hệ số SDD (lần)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao tối đa
1	HK	Đất các khu hạ tầng kỹ thuật	35.583	40	0,8	1,40	2
	HK3	Đất hạ tầng kỹ thuật 03	3.828	40	0,8	0,15	2
	HK4	Đất hạ tầng kỹ thuật 04	1.481	40	0,8	0,06	2
	HK5	Đất hạ tầng kỹ thuật 05	18.561	40	0,8	0,73	2
	HK6	Đất hạ tầng kỹ thuật 06	5.257	40	0,8	0,21	2
	HK7	Đất hạ tầng kỹ thuật 07	6.456	40	0,8	0,25	2

- Khoảng lùi xây dựng:

+ So với chỉ giới đường đỏ : $\geq 6m$;

+ So với ranh đất : $\geq 4m$.

- Cốt nền tầng trệt $\geq 0,3m$ tại cao độ san nền vị trí xây dựng.

- Chiều cao xây dựng từng tầng được thiết kế đảm bảo tuân thủ theo quy chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành.

4. Đất cây xanh

Diện tích đất cây xanh là 256.763m² chiếm khoảng 10,07% diện tích đất khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, giai đoạn 1. Cây xanh trong khu công nghiệp có hai thành phần chủ yếu:

- *Đất cây xanh chuyên dụng (Đất cây xanh cách ly)*: Được bố trí thành các dải cây bao quanh dự án và khu dân cư vượt lũ, cách ly dự án với khu dân cư xung quanh,... vừa có chức năng cách ly kỹ thuật vừa làm chức năng tạo không gian xanh,

góp phần làm phong phú không gian kiến trúc cảnh quan, cải thiện khí hậu khu vực.

- *Đất cây xanh sử dụng hạn chế (Đất cây xanh cảnh quan)*: Ngoài chức năng làm lá phổi của khu công nghiệp, tạo môi trường thông thoáng, hiệu quả kiến trúc cảnh quan, cây xanh còn kết hợp với khu dịch vụ làm tăng khả năng phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi, thư giãn, tái tạo sức lao động cho công nhân, nhân viên làm việc trong khu công nghiệp.

Bảng thống kê chỉ tiêu kiến trúc – quy hoạch cho từng lô đất

STT	Ký hiệu	Chức năng lô đất	Diện tích (m ²)	Mật độ XD tối đa (%)	Hệ số SDD (lần)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao tối đa	Ghi chú
		Đất cây xanh	256.763			10,07	1	
1	CXCL	Đất cây xanh chuyên dụng (Đất cây xanh cách ly)	197.522	5	0,1	7,75	1	
	CXCL1.1	Đất cây xanh cách ly 1.1	10.331	5	0,1	0,41	1	Là 1 phần đất thuộc ô đất CXCL1 theo QHPK
	CXCL2	Đất cây xanh cách ly 2	38.116	5	0,1	1,49	1	
	CXCL3	Đất cây xanh cách ly 3	31.074	5	0,1	1,22	1	
	CXCL4.1	Đất cây xanh cách ly 4.1	23.056	5	0,1	0,90	1	Là 1 phần đất thuộc ô đất CXCL4 theo QHPK
	CXCL7	Đất cây xanh cách ly 7	32.678	5	0,1	1,28	1	
	CXCL8	Đất cây xanh cách ly 8	5.641	5	0,1	0,22	1	
	CXCL9	Đất cây xanh cách ly 9	5.477	5	0,1	0,21	1	
	CXCL10	Đất cây xanh cách ly 10	9.809	5	0,1	0,38	1	
	CXCL11	Đất cây xanh cách ly 11	9.936	5	0,1	0,39	1	
	CXCL12	Đất cây xanh cách ly 12	31.404	5	0,1	1,23	1	

STT	Ký hiệu	Chức năng lô đất	Diện tích (m ²)	Mật độ XD tối đa (%)	Hệ số SĐĐ (lần)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao tối đa	Ghi chú
2	CXCQ	Đất cây xanh sử dụng hạn chế (Đất cây xanh cảnh quan)	59.241	5	0,1	2,32	1	
	CXCQ05.1	Đất cây xanh cảnh quan 05.1	2.799	5	0,1	0,11	1	Thuộc 1 phần ô đất Cây xanh cảnh quan ký hiệu CXCQ05 theo QHPK 1/2000
	CXCQ07.1	Đất cây xanh cảnh quan 07.1	2.228	5	0,1	0,09	1	Thuộc 1 phần ô đất Cây xanh cảnh quan ký hiệu CXCQ07theo QHPK 1/2000
	CXCQ08.1	Đất cây xanh cảnh quan 08.1	1.059	5	0,1	0,04	1	Thuộc 1 phần ô đất Cây xanh cảnh quan ký hiệu CXCQ08 theo QHPK 1/2000
	CXCQ09	Đất cây xanh cảnh quan 09	26.596	5	0,1	1,04	1	
	CXCQ10	Đất cây xanh cảnh quan 10	26.559	5	0,1	1,04	1	

- Mật độ xây dựng tối đa trong đất quy hoạch cây xanh là 5%, ngoài ra cần đảm bảo tuân thủ các quy định của quy chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn thiết kế hiện hành.

5. Mặt nước:

Diện tích mặt nước là 28.616 m² chiếm khoảng 1,12% diện tích đất khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, giai đoạn 1.

Bảng thống kê chỉ tiêu kiến trúc – quy hoạch cho từng lô đất

STT	Ký hiệu	Chức năng lô đất	Diện tích (m ²)	Mật độ XD tối đa (%)	Hệ số SDD (lần)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao tối đa	Ghi chú
1		Mặt nước	28.616			1,12		
	MN-02	Đất mặt nước 02	484			0,02		
	MN-03	Đất mặt nước 03	24.595			0,96		
	MN-04.1	Đất mặt nước 04.1	1.513			0,06		Thuộc 1 phần ô đất mặt nước ký hiệu MN04 theo QHPK 1/2000.
	MN-08.1	Đất mặt nước 08.1	2.024			0,08		Thuộc 1 phần ô đất mặt nước ký hiệu MN08 theo QHPK 1/2000.

Điều 3. Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng cốt xây dựng và các yêu cầu cụ thể về kỹ thuật đối với từng tuyến đường, khu vực; phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật.

1. Giao thông đối ngoại

Tiếp giáp tại phía Nam khu vực quy hoạch là Quốc lộ 54 đóng vai trò là một trong những trục giao thông quan trọng nhất của tỉnh Vĩnh Long, đồng thời là trục giao thông phục vụ chính cho khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long.

Theo Quy hoạch thì Quốc lộ 54 đoạn qua thị trấn Tân Quới rộng 36,0m, lòng đường rộng 2,0x9,0m=18,0 m, dải phân cách rộng 4,0m, vỉa hè rộng 2,0x7,0m=14,0m, đoạn ngoài thị trấn Tân Quới có quy mô là đường cấp III đồng bằng, lòng đường rộng 11,0m, nền đường rộng 12,0m.

2. Giao thông trong khu công nghiệp

*** Cao độ tìm đường**

- Cốt cao độ san nền trung bình đảm bảo $\geq +2.5m$.
- Cao độ quy hoạch tại tìm đường bám theo cao độ đường Quốc lộ 54 hiện hữu và cao độ khu dân cư hiện trạng. Chọn cao độ quy hoạch tại tìm đường khu công nghiệp $\geq +2.5m$.

*** Lộ giới đường:**

- Đường N4, D3, D6: Là đường trục chính kết nối khu công nghiệp với đường QL54. Lộ giới: 43,0m, trong đó:

+ Phần đường dành cho xe chạy : 10,5m + 10,5m;

+ Vỉa hè : 8,0m + 8,0m;

- + Dải phân cách : 6,0m.
- Đường D1, D2, D4, D5: Nằm vuông góc và kết nối với đường trục chính N4 và D3. Lộ giới: 27,0m, trong đó:
 - + Phần đường dành cho xe chạy : 15,0m;
 - + Vĩa hè : 6,0m + 6,0m;
- Đường N5, N6, N7: Lộ giới: 20,0m, trong đó:
 - + Phần đường dành cho xe chạy : 10,0m;
 - + Vĩa hè : 5,0m + 5,0m.
- Chỉ giới xây dựng: Khoảng lùi xây dựng cách chỉ giới đường đỏ theo phương vuông góc đảm bảo tối thiểu 6m.

Điều 4. Các trục không gian chính, các điểm nhấn của khu vực

Vị trí cổng khu công nghiệp và khu đất dịch vụ khu công nghiệp góp phần tạo điểm nhấn chính cho khu công nghiệp khi hình thành. Vì vậy các giải pháp thiết kế kiến trúc cần đảm bảo phù hợp công năng cho từng loại hình công trình và cảnh quan chung, tổ hợp các hình khối chi tiết đơn giản, màu sắc chọn tông màu sáng, hài hòa tạo sự đồng đều.

Điều 5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, vị trí quy mô và phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với công trình có chức năng đặc thù cần bảo vệ, cách ly

1. Chuẩn bị kỹ thuật

- San nền: Cốt cao độ san nền trung bình đảm bảo $\geq +2,5m$.
- Thoát nước mặt: Hệ thống thoát nước mưa của khu công nghiệp được kết nối hệ thống kênh, rạch như rạch Chân Rít, kênh Cống Đình, kênh Tập Đoàn và các kênh rạch hiện trạng phía Đông của dự án để kết nối ra kênh Hai Quý. Hệ thống thoát nước mưa gồm hệ thống cống tròn, cống hộp bê tông cốt thép và các cửa xả đảm bảo cho việc thoát nước mặt của khu công nghiệp.

2. Cấp điện

- Tổng công suất dự án khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, giai đoạn 1 dự kiến khoảng: $S=39.404KVA$.
- Quy hoạch khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, giai đoạn 1 các nguồn điện sẽ được lấy từ trạm biến áp 110kV Bình Tân. Điểm đầu nối dự kiến tại vị trí cổng của khu công nghiệp giao với Quốc lộ 54. Chi tiết về vị trí đầu nối, công suất sẽ được Chủ đầu tư thỏa thuận với ngành điện ở bước tiếp theo.

3. Cấp nước

- Nguồn cấp nước từ Nhà máy nước Thành Lợi thuộc Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Bình Tân quản lý, vận hành. Tổng nhu cầu dùng nước cho khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, giai đoạn 1 khoảng $8.143m^3/ngày$.
- Theo Văn bản thỏa thuận số 034/2023-CV-CN ngày 12/04/2023, Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Bình Tân đảm bảo cung cấp đủ nhu cầu nước với công suất nêu trên.
- Mạng lưới: Xây dựng mạng lưới đường ống HDPE có đường kính từ D110 trở lên. Mạng lưới đường ống dẫn đến các điểm lấy nước và kết nối với nhau tạo thành

vòng khép kín. Trên hệ thống cấp nước chính bố trí các trụ lấy nước chữa cháy đặt cách nhau tối đa 150m.

4. Thoát nước thải

- Khu công nghiệp sẽ được xây dựng một hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn độc lập với hệ thống thoát nước mưa.

- Nước thải của khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, giai đoạn 1 được tập trung xử lý tại trạm xử lý nước thải đặt phía Đông khu công nghiệp. Nước thải sau khi xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn cột A theo QCVN 40:2011/BTNMT và được thoát ra rạch Chân Rít (rạch Rít).

- Công suất trạm xử lý nước thải cho giai đoạn 1 dự kiến khoảng 5.500 m³/ng.đcm.

5. Trạm trung chuyển rác, xử lý chất thải rắn

Hàng ngày rác thải sinh hoạt được thu gom bằng xe chuyên dụng về trạm trung chuyển và đưa tới khu xử lý rác thải của khu vực để xử lý. Bố trí thùng rác trên các tuyến phố và khu vực công cộng để thu gom rác thải sinh hoạt.

6. Thông tin liên lạc

Hệ thống cấp ngầm được đặt trong hệ thống ống chuyên dụng, nguồn cấp từ hệ thống mạng hiện hữu dọc theo Quốc lộ 54.

Điều 6. Yêu cầu, biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường

- Có giải pháp giảm thiểu ô nhiễm đối với môi trường không khí và tiếng ồn.
- Đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng công trình.
- Giảm thiểu ô nhiễm đối với môi trường nước: Nghiêm cấm xả nước thải chưa qua xử lý trực tiếp ra môi trường. Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung xử lý nước thải đảm bảo đạt tiêu chuẩn cột A theo QCVN 40:2011/BTNMT về môi trường trước khi thải ra kênh, rạch công cộng.
- Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn: Chất thải rắn được thu gom hàng ngày và vận chuyển đến nơi xử lý theo đúng quy định.
- Thiết lập hệ thống quan trắc giám sát môi trường, xây dựng kế hoạch hành động gồm các chương trình, kế hoạch quản lý, quan trắc, giám sát tác động môi trường theo đúng quy định.
- Bố trí các khu cây xanh kết hợp với mặt nước góp phần cải thiện môi trường vi khí hậu trong công nghiệp.
- Trong quá trình thi công xây dựng cần có giải pháp hạn chế sự phát tán của bụi và hấp thụ tiếng ồn từ công trường và phương tiện vận chuyển vật liệu. Sử dụng các phương tiện cơ giới có chỉ số kỹ thuật cao để giảm tiếng ồn, bụi, khí thải do các phương tiện gây ra.
- Trong bước Lập dự án đầu tư phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và trong quá trình triển khai xây dựng, vận hành tuân thủ theo đúng các nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường.

PHẦN III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Tổ chức thực hiện

- Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, UBND xã Thành Lợi và các cơ quan liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định quản lý này.

- Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc phát hiện Quy định quản lý có nội dung khác biệt với các quy định của văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện việc rà soát, kiểm tra theo thẩm quyền hoặc đề nghị, phản ánh về Phòng Kinh tế và Hạ tầng thực hiện rà soát, kiểm tra lại Quy định quản lý để trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét, điều chỉnh theo đúng quy định.

- Quy định quản lý được ấn hành và lưu giữ ở các cơ quan sau đây để quản lý và hướng dẫn thực hiện gồm: Ủy ban nhân dân huyện Bình Tân, Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Gilimex Vĩnh Long, Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Bình Tân, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã Thành Lợi.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.
2. Các nội dung không được đề cập trong quy định này tuân thủ Quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định hiện hành có liên quan của Nhà nước.

Điều 9. Xử lý vi phạm

Mọi hành vi vi phạm các điều khoản của Quy định này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tập